

UNIT

3

MY FRIENDS



PRONOUNCIATION

/b/	/p/
back	pen

Task 1. Put the words into the correct columns.

biscuit
band

parents
big

ponytail
brown

bit
picnic

blonde
play

picture
bring

Handwriting practice area for the /b/ column, featuring a blue background with horizontal dashed lines for writing.

Handwriting practice area for the /p/ column, featuring a green background with horizontal dashed lines for writing.

Task 2. Circle the word that has the underlined part pronounced differently

- | | | | |
|----------------------|-------------------------|----------------------|----------------------|
| 1. A. <u>b</u> est | B. <u>p</u> art | C. <u>p</u> ie | D. <u>p</u> en |
| 2. A. <u>h</u> ow | B. <u>p</u> ie | C. <u>b</u> ack | D. <u>b</u> aby |
| 3. A. <u>c</u> opy | B. <u>h</u> appy | C. <u>b</u> east | D. <u>p</u> ull |
| 4. A. <u>b</u> ed | B. <u>j</u> ob | C. <u>p</u> ass | D. <u>b</u> ull |
| 5. A. <u>b</u> an | B. <u>p</u> et | C. <u>p</u> each | D. <u>p</u> ier |
| 6. A. <u>b</u> at | B. <u>b</u> eer | C. <u>b</u> ye | D. <u>p</u> rize |
| 7. A. <u>p</u> ig | B. <u>ch</u> ubby | C. <u>p</u> in | D. <u>p</u> ole |
| 8. A. <u>b</u> etter | B. <u>b</u> obby | C. <u>b</u> irthday | D. <u>p</u> rovide |
| 9. A. <u>p</u> encil | B. <u>p</u> ocket | C. <u>b</u> oy | D. <u>p</u> ostcard |
| 10. A. <u>a</u> bout | B. <u>p</u> rofessional | C. <u>b</u> eautiful | D. <u>b</u> utterfly |

UNIT

3

MY FRIENDS



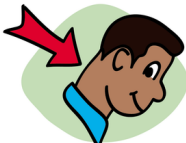
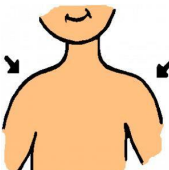
VOCABULARY

New words	Transcription	Meaning
arm	/ɑ:m/	cánh tay
ear	/ɪər/	tai
elbow	/'elbəʊ/	khủy tay
eye	/aɪ/	mắt
face	/feɪs/	khuôn mặt
foot	/fʊt/	bàn chân
fur	/fɜ:r/	lông
glasses	/glɑ:sɪz/	kính mắt
hand	/hænd/	bàn tay
head	/hed/	cái đầu
knee	/ni:/	đầu gối
leg	/leg/	cẳng chân
mouth	/maʊθ/	miệng
neck	/nek/	cái cổ
nose	/nəʊz/	cái mũi
tail	/teɪl/	cái đuôi
tooth	/tu:θ/	răng
cheek	/tʃi:k/	má
finger	/'fɪŋgər/	ngón tay
shoulder	/'ʃəʊldər/	vai
talkative	/'tɔ:kətɪv/	nói nhiều, hay nói
clever	/'klevər/	khéo léo
boring	/'bɔ:rɪŋ/	tẻ nhạt
creative	/'kri'eɪtɪv/	sáng tạo
shy	/ʃaɪ/	rụt rè, bẽn lễn
kind	/kaɪnd/	tốt bụng
confident	/'kɒnfɪdənt/	tự tin
hard-working	/hɑ:d-'wɜ:kɪŋ/	chăm chỉ
friendly	/'frendli/	thân thiện
funny	/'fʌni/	hài hước
short	/ʃɔ:t/	thấp, lùn
long	/lɒŋ/	dài
black	/blæk/	màu đen

blonde	/blɒnd/	màu vàng hoe
curly	/'kɜ:li/	quăn
straight	/streɪt/	thẳng
chubby	/'tʃʌbi/	mập mạp, mũm mĩm
choir	/kwaɪər/	đội hợp xướng
firework competition	/'faɪəwɜ:k kɒmpə'tɪʃən/	cuộc thi pháo hoa
greyhound racing	/'greɪhaʊnd 'reɪsɪŋ/	đua chó
field trip	/'fi:ld trɪp/	chuyến đi về vùng quê
temple	/'templ/	ngôi đền
volunteer	/vɒlən'tɪər/	tình nguyện viên
independent	/ɪndɪ'pendənt/	độc lập
curious	/kɜʊəriəs/	tò mò
freedom-loving	/fri:dəm-'lʌvɪŋ/	yêu tự do
responsible	/rɪ'spɒnsəbl/	chịu trách nhiệm
reliable	/rɪ'laɪəbl/	đáng tin cậy
sensitive	/'sensɪtɪv/	nhạy cảm

Task 1. Fill in each blank to find names of parts of the body.

 _y_	 n_s_	 m_th	 e_r	 h_r
 t_t_	 _ac_	 h_d	 _h_e_s	 _r_
 _a_d	 _l_b_w	 _e_		

	f_n_e			f_t
				
_o_s	_n_e	n_k	b_c_	s_o_l_rs

Task 2. Choose a suitable adjective for each picture below

friendly

talkative

kind

boring

fun

confident

fat

shy

hard-working

creative



Task 3. Read and circle the right adjectives.

1. Donata is very *friendly*/ *rude*. She has a lot of friends.
2. Mona is very *reliable*/ *creative*. She always has new ideas.
3. Ann is a bit *interesting*/ *boring*. She never has anything interesting to say.
4. Jilly is very *funny*/ *shy*. She likes telling jokes.

5. Anna is very *serious/sensitive*. She cries quickly whenever she watches a romance movie.
6. Lucy is very *outgoing/ generous*. She likes meeting and talking to people.
7. Joana is very *hard-working/ lazy*. She never helps with the housework.
8. Jane is very *nervous/ impatient*. She becomes annoyed if she has to wait for something or someone.
9. Mathew is very *active/ helpful*. He likes to play sport or do physical things.
10. Helen is a *quiet/ curious* person. She isn't very talkative.

Task 4. Fill in each blank with the correct adjective from the box.

kind	boring	shy	funny	clever
friendly	talkative	creative	confident	hard-working

1. He's a little bit _____. He likes to talk a lot.
2. She always has a _____ smile with everyone.
3. Everyone is _____ to me. They often help me when I need.
4. It is _____ to sit on the plane with nothing to read.
5. She is very _____. She writes poetry and paints.
6. It's a really _____ film; everyone laughs a lot.
7. Children are often _____ at school and he always gets good marks.
8. He is often _____ of people they don't know.
9. The teacher wants the students to feel _____ about asking questions when they don't understand.
10. I'm not very _____ at Math. I often make mistakes in calculations.

Task 5. Read the definitions and complete the blanks with given words.

	tooth knee	foot leg	shoulder mouth	eye cheek	neck head
No.	Definitions				Word
1.	One of the long parts that connect the feet to the rest of the body				

2.	The part of the body between the head and the shoulders	
3.	Any of the hard white structures in the mouth used for biting and chewing food	
4.	Either side of the face below the eyes	
5.	Either of the two parts of the body between the top of each arm and the neck	
6.	The part of the body on top of the neck containing the eyes, nose, mouth and brain	
7.	The lowest part of the leg, below the ankle, on which a person or an animal stands	
8.	The joint between the top and bottom parts of the leg where it bends in the middle	
9.	Either of the two organs on the face that are used for seeing	
10.	The opening in the face used for speaking, eating, etc.	

UNIT

3

MY FRIENDS



GRAMMAR

1. Description with *be* and *have*a. *Be*

Câu khẳng định	I + am + adj You, we, they + are + adj He, she, it + is + adj
Câu phủ định	I + am not + adj You, we, they + aren't + adj He, she, it + isn't + adj
Câu nghi vấn	Am + I + adj? Are + you, we, they + adj? Is + he, she, it + is + adj?

b. *Have*

Câu khẳng định	I, you, we, they + have + ... He, she, it + has + ...
Câu phủ định	I, you, we, they + haven't + ... He, she, it + hasn't + ...
Câu nghi vấn	Have + I, you, we, they + ...? Has + he, she, it + ...?

Example

- He is hard-working. (Anh ấy chăm chỉ.)

- I am not creative. (Tôi không sáng tạo.)
- I have a round face. (Tôi có khuôn mặt tròn.)
- She has a pink notebook. (Chị ấy có quyển vở màu hồng.)

2. Present continuous (Thì hiện tại tiếp diễn)

a. Form

(+)	I + am + V-ing. You, we, they + are + V-ing. He, she, it + is + V-ing.
(-)	I am not + V-ing. You, we, they + aren't + V-ing. He, she, it + isn't + V-ing.
(?)	Am + I + V-ing? Are + you, we, they + V-ing? Is + he, she, it + V-ing?

b. Usage

- ❖ Thì hiện tại tiếp diễn diễn tả một hành động đang diễn ra tại thời điểm nói.

VD: My mother is cooking in the kitchen now. (*Hiện tại mẹ tôi đang nấu ăn trong bếp.*)

- ❖ Thì hiện tại tiếp diễn diễn tả một hành động hoặc sự việc đang diễn ra xung quanh thời điểm nói.

VD: Linda is quite busy these days. She's doing the English project for her school. (*Linda is in a restaurant with her friend now.*)

(Linda dạo này rất bận. Cô ấy đang làm dự án tiếng Anh cho trường của cô ấy.) (*Hiện tại Linda đang ngồi trong nhà hàng với bạn cô ấy.*)

- ❖ Thì hiện tại tiếp diễn có thể diễn tả một hành động sắp xảy ra trong tương lai gần (điều này đã được lên kế hoạch).

VD: He is going to Paris. (*Anh ấy định đi Paris.*)

- ❖ Thì hiện tại tiếp diễn diễn tả một hành động thường xuyên xảy ra lặp đi lặp lại gây sự bức mình hay khó chịu cho người nói. Cách dùng này được dùng với trạng từ “always, continually”.

VD: Tony is careless. He is always losing his keys. (*Tom thì bất cẩn. Anh ấy luôn làm mất chìa khóa.*)

c. Signals

Các trạng từ hay gặp: *now, at the present, at the moment, at this time* (bây giờ, lúc này)

Các động từ: *Look!* (Nhìn kia), *Listen* (Nghe này); *Becareful!* (Cẩn thận); *Hurry up!* (Nhanh lên)

d. How to add “ing” after verbs

- ❖ Thông thường nhất, ta thêm đuôi -ing vào sau các động từ.

read → reading

go → going

- ❖ Khi động từ kết thúc bằng “e”, ta bỏ “e” trước khi thêm “ing”.

have → having

make → making

- ❖ Khi động từ kết thúc bằng “ee”, ta thêm ing mà không bỏ “e”.
see → seeing agree → agreeing
- ❖ Khi động từ kết thúc bằng “ie” ta đổi “ie” → “y” rồi thêm “ing”.
lie → lying die → dying
- ❖ Khi âm tiết cuối của động từ mang trọng âm và có chứa 1 nguyên âm + 1 phụ âm, ta gấp đôi phụ âm cuối rồi thêm “ing”.
run → running permit → permitting

e. Note

Chúng ta không dùng thì hiện tại tiếp diễn với các động từ thuộc về nhận thức, tri giác hoặc sở hữu như: *be, see, hear, understand, know, like, want, feel, smell, remember, forget, ...* Sử dụng thì hiện tại đơn thay vì hiện tại tiếp diễn trong các trường hợp này.

Example

False: ~~She is being~~ happy.

Correct: She is happy.

Task 1. Verbs form:

I. Complete the sentences with forms of *be* or *have*.

1. She _____ long blond hair.
2. He _____ green eyes. They look so nice.
3. He _____ short blond hair.
4. His eyes _____ black and quite large.
5. Her eyes' color _____ green. It is brown.
6. She _____ in good-shape. She is a little thin.
7. (she) _____ straight black hair? - Yes.
8. My uncle _____ medium-height. He is just a little taller than me.
9. What (John) _____ on his nose? - Glasses. He is reading a book.
10. (Mai) _____ short black hair or long brown hair?
11. His mouth is small and he _____ green eyes.
12. George _____ short hair like most of men. His hair is quite long and smooth.
13. Miranda's parents have brown eyes, but she doesn't. Her eyes _____ blue.
14. Which is his complexion's color? (it) _____ tanned?
15. My grandfather _____ a moustache. He has got a beard.

II. Read the text then give the correct form of verb.

It (0. be) is Sunday evening and my friends and I (1. be) _____ Jane's birthday party. Jane (2. wear) _____ a beautiful long dress and (3. stand) _____ next

to her boyfriend. Some guests (4. **drink**) _____ wine or beer in the corner of the room. Some of her relatives (5. **dance**) _____ in the middle of the room. Most people (6. **sit**) _____ on chairs, (7. **enjoy**) _____ foods and (8. **chat**) _____ with one another. We often (9. **go**) _____ to our friends' birthday parties. We always (10. **dress**) _____ well and (11. **travel**) _____ by taxi. Parties never (12. **make**) _____ us bored because we like.

III. Complete the text. Use the present simple.

My best friend

My best friend is Hannah. She (1. **live**) _____ next door to me. We (2. **go**) _____ to the same school but we are in different classes.

I (3. **walk**) _____ to school but Hannah (4. **go**) _____ by bike, because she always (5. **get up**) _____ late. After school we (6. **finish**) _____ our homework first, then we (7. **listen**) _____ to our favourite music. I (8. **like**) _____ R&B, but Hannah (9. **hate**) _____ it. She (10. **think**) _____ it's boring. She (11. **love**) _____ rock music.

Task 2. Arrange the adjectives in the blanks in the correct order

1. He has (long/ grey/ a) beard.
2. They are (small/ beautiful/ red) flowers.
3. That car is (big/ a/ modern/ black).
4. She has (long/ blonde) hair.
5. My uncle lives in (modern/ big/ brick/ a) house.

.....

Task 3. Choose the underlined word or phrase (marked A, B, C or D) that needs correcting

1. My sister is very seriously and hard-working in her study.
A B C D
2. Ride a bike at the weekend is my best friend's hobby.

A B C D

3. She is very cared, so she always helps her mother do the housework.

A B C D

4. My friend has a short brown hair and an oval face.

A B C D

5. Because Nga is very keen on the school's singing competition, she is taking part

A B C

on it tomorrow.

D

6. I have an important maths exam tomorrow afternoon, so I do a lot of maths

A B C

exercises at home this evening.

D

7. We have a lot of assignments to do. Therefore, we are going to the cinema

A B C

with you tonight.

D

8. I have new pencil, a pencil sharpener and a pencil case.

A B C D

9. The painting competition will start at his school on the 17th of October.

A B C D

10. She usually plays the piano every Monday evening, but today she watch cartoons

A B C D

with her younger sister.

11. There are a table, four chairs, two pictures and a vase in the living room.

A B C D

12. There aren't a lot of posters in the wall in his bedroom.

A B C D

13. My dog has a long tail, big eyes and a yellow fur.

A B C D

14. She has a birthday party with a big birthday cake and a lot of candles at home

A B C

D

at present.

15. She is short hair and big eyes

A B C D

UNIT

3

MY FRIENDS



SPEAKING

Task 1. Match the questions and answer. Then practice.

1. What are you doing this weekend?		F. They are dark brown.
2. What does your English teacher look like?		G. . It's Sandra. She is my new friend
3. What is Mary like?		H. I'm visiting my grandparents
4. Can you help me with my homework, please?		I. She's slim and has long blond hair and blue eyes.
5. Where are the kids?		J. Sound great! I'd be happy to
6. Would you like to join our party on Sunday?		K. They are playing in the playground
7. What colour are his eyes?		L. She's kind, active and sensitive
8. Who is that girl?		M. . Sorry, I can't. I'm busy

Task 2. Answer the questions.

1. Do you have a best friend?		N.
2. What's her/his name?		O.
3. What does she /he look like?		P.
4. Is she beautiful/he handsome?		Q.
5. What colour are her/his eyes?		R.
6. When and where did you meet her/him?		S.
7. .Why do you like her/him?		T.
8. Can you introduce me to her/him?		U.

UNIT

3

MY FRIENDS



LISTENING

Task 2. Listen and decide if the statements below are true (T) or false (F).



1. Sam has more than 4 best friends

.....

2. Tom is tall, but Henry is short.

.....

3. Henry doesn't help Sam study.

.....

3. Lars is talkative.

.....

5. Daisy sings well.

.....

Task 3. Listen again and fill in the blanks.

1. Tom is funny because he can tell good

2. Henry looks like a

3. Daisy is a winner of the school'scompetition

UNIT

3

MY FRIENDS



READING

Task 1: Read and answer the questions.

One of my best friends' names is Robert. He lives in England and we always meet in summer. He spends his summer holidays on the beach in Huelva.

Robert is fifteen and he's very funny and generous. I like being with him because he always makes me laugh. We enjoy playing volleyball and riding our bikes. He also loves music and he plays the guitar and he's learning to play the piano. I don't play any instruments but I love music too. Robert doesn't like computer games. He likes playing with friends in the street. He has a dog called Toby.

Robert is tall and he's got short straight dark hair and green eyes. He likes wearing jeans and tracksuits.

He's a very good student. His favourite subject is Maths. He is not very good at Social Sciences but he studies hard to pass it.

1. Where is Robert from?
2. How old is he?
3. Does Robert have any brothers or sisters?
4. What's Robert like?
5. What are Robert's hobbies?
6. What does he like wearing?

Task 2: Complete the passage with the correct verbs

This _____ my best friend. Her name _____ Laura. She _____ twelve years old and she _____ in Bristol, England.

Laura _____ very pretty. She _____ straight brown hair and dark brown eyes. Her nose _____ straight and her lips _____ rather thin. Laura _____ medium height, slim and very fit because she learns to dance and she _____ very well.

Laura _____ very friendly and confident and she _____ a great sense of humour. I like being with her because she makes me feel happy and comfortable!

Task 3: Read the article and decide whether the statements are True (T) or False (F).

As we know, these special relationship do more than we just get us by. Friends are our concert buddies. They're the people that come over to trap a mouse that's in the apartment. They're the ones who use through relationship blunders and changes at work. Research has also found that friends helps us live longer.

Aristotle once described a true friend as a “single soul dwelling in two bodies”- but what differentiates a true, lasting friendship from the other, temporary social bonds? According to Robert Rowney, D.O., a certified psychiatrist and the director of the Cleveland Clinic mood disorder unit, there are certain habits that genuine friends possess, which make them more like family. And it's these characteristics- and sometimes even tough love – that create that indescribable bond.

1. Friends see us through relationship blunders and changes at work
2. Research has found that friend don't help us live longer
3. A true friend is described as “single soul dwelling in two bodies”
4. According to Robert Rowney, there are certain habits genuine friends possess.
5. Sometimes even tough love can't create that indescribable bond.

UNIT

3

MY FRIENDS



WRITING

Task 1. Reorder the words to make the correct sentences

1. eyes/ sister/ my/ is/ she/ younger/ and/ short/ has/ round.

→

2. hard-working/ Lam/ is/ student/ class/ intelligent/ in/ an/ my/ and.

→

3. her/ Jane/ Paris/ is/ next/ mother/ to/ travelling/ with/ Friday.

→

4. National Cinema/ we/ Saturday/ are/ to/ the/ going/ this.

→

5. camping/ is/ next/ my/ class/ in/ weekend/Cuc Phuong forest/ going.

→

Task 2. Write 6 sentences about best friend.



.....
.....
.....
.....
.....

.....

.....

.....

.....

ĐÁP ÁN CHI TIẾT

UNIT

3

MY FRIENDS



PRONOUNCIATION

/b/	/p/
back	pen

Task 1. Put the words into the correct columns.

biscuit
band

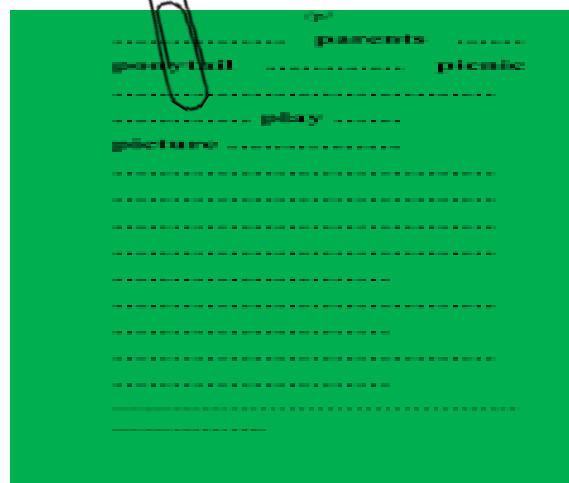
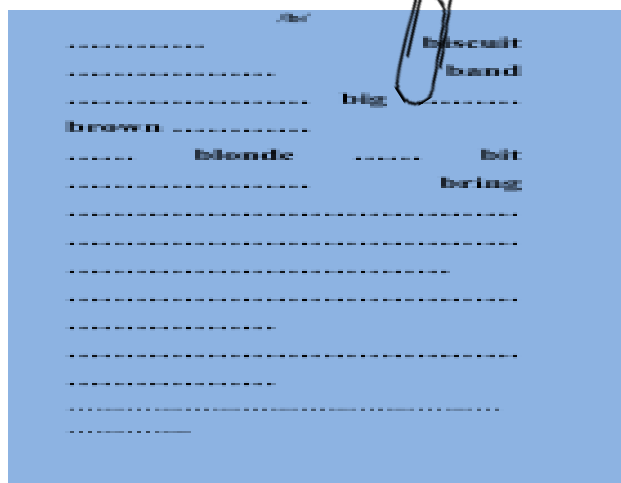
parents
big

ponytail
brown

bit
picnic

blonde
play

picture
bring



Task 2. Circle the word that has the underlined part pronounced differently

- | | | | |
|-----------------------|----------------------------|---------------------|----------------------|
| 1. A. <u>b</u> est | B. part | C. pie | D. pen |
| 2. A. <u>b</u> ow | B. <u>p</u> ie | C. <u>b</u> ack | D. <u>b</u> aby |
| 3. A. c <u>o</u> py | B. h <u>a</u> ppy | C. <u>b</u> east | D. p <u>u</u> ll |
| 4. A. <u>b</u> ed | B. j <u>o</u> b | C. <u>p</u> ass | D. <u>b</u> ull |
| 5. A. <u>b</u> an | B. p <u>e</u> t | C. p <u>e</u> ach | D. p <u>i</u> er |
| 6. A. <u>b</u> at | B. <u>b</u> eer | C. <u>b</u> ye | D. <u>p</u> rize |
| 7. A. p <u>i</u> g | B. <u>c</u> h <u>u</u> bby | C. p <u>i</u> n | D. p <u>o</u> le |
| 8. A. <u>b</u> etter | B. b <u>o</u> bby | C. <u>b</u> irthday | D. <u>p</u> rovide |
| 9. A. p <u>e</u> ncil | B. p <u>o</u> cket | C. <u>b</u> oy | D. p <u>o</u> stcard |
| 10. A. <u>a</u> bout | B. <u>p</u> rofessional | C. <u>b</u> autiful | D. <u>b</u> utterfly |

UNIT

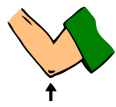
3

MY FRIENDS



VOCABULARY

Task 1. Fill in each blank to find names of parts of the body.

 eye	 nose	 mouth	 ear	 hair
 teeth	 face	 head	 cheeks	 arm
 hand	 finger	 elbow	 leg	 feet
 toes	 knee	 neck	 back	 shoulders

Task 2

- | | | | | |
|-----------------|--------------|---------|--------------|---------|
| 1. hard-working | 2. friendly | 3. fat | 4. confident | 5. shy |
| 6. boring | 7. talkative | 8. kind | 9. creative | 10. fun |

Task 3. Read and circle the right adjectives.

- | | | | |
|--------------|-------------|-----------|--------------|
| 1. friendly | 2. creative | 3. boring | 4. funny |
| 5. sensitive | 6. outgoing | 7. lazy | 8. impatient |
| 9. active | 10. Quiet | | |

Task 4. Fill in each blank with the correct adjective from the box.

3.kind 4.boring 8.shy 6.funny 10.clever
2.friendly 1.talkative 5.creative 9.confident 7.hard-working

Task 5. Read the definitions and complete the blanks with given words.

1.leg 2. neck 3. tooth 4. cheek 5. shoulder
6. head 7. foot 8. knee 9. eye 10. mouth

UNIT

3

MY FRIENDS



GRAMMAR

Task 1.

I. Complete the sentences with forms of *be* or *have*.

1.has 2. has 3. has 4. are 5. is not
6. is not 7. Does she have 8.is 9. does John have 10.
Does Mai have
11.has 12. doesn't have 13. are 14. Is it 15.doesn't
have

II. Read the text then give the correct form of verb.

1.are	4. are drinking	7. enjoying	10. dress
2. is wearing	5. are dancing	8. chatting	11. travel
3. standing	6. are sitting	9. go	12. make

III. Complete the text. Use the present simple.

1. lives	4. goes	7. listen	10. thinks
2. go	5. gets up	8. like	11. loves
3. walk	6. finish	9. hates	

Task 2.

1. He has (long/ grey/ a) beard.

He has a long grey beard

2. They are (small/ beautiful/ red) flowers.

They are beautiful small red flowers

3. That car is (big/ a/ modern/ black).

That is a modern big black car

4. She has (long/ blonde) hair.

She has long blond hair

5. My uncle lives in (modern/ big/ brick/ a) house.

My uncle lives in a modern big brick house

Task 3. Choose the underlined word or phrase in each sentence that needs correcting.

1.A	6.C	11.A	16.C
2.A	7.C	12.C	17.B
3.B	8.A	13.D	18.B
4.B	9.B	14.A	19.A
5.D	10.D	15.A	20.B

UNIT

3

MY FRIENDS



SPEAKING

Task 1. Match the questions and answer. Then practice.

1. What are you doing this weekend?	1-H	F. They are dark brown.
2. What does your English teacher look like?	2-I	G. . It's Sandra. She is my new friend

3. What is Mary like?	3-L	H. I'm visiting my grandparents
4. Can you help me with my homework, please?	4-M	I. She's slim and has long blond hair and blue eyes.
5. Where are the kids?	5-K	J. Sound great! I'd be happy to
6. Would you like to join our party on Sunday?	6-J	K. They are playing in the playground
7. What colour are his eyes?	7-F	L. She's kind, active and sensitive
8. Who is that girl?	8-A	M. . Sorry, I can't. I'm busy

Task 2. Answer the questions.

9. Do you have a best friend?		a.
10. What's her/his name?		b.
11. What does she /he look like?		c.
12. Is she beautiful/he handsome?		d.
13. What colour are her/his eyes?		e.
14. When and where did you meet her/him?		f.
15. .Why do you like her/him?		g.
16. Can you introduce me to her/him?		h.

UNIT

3

MY FRIENDS



LISTENING

Task 1. Listen and decide if the statements below are true (T) or false (F).

1. F 2. T 3. F 4. F 5. T

Task 3. Listen again and fill in the blanks.

1. jokes 2. baby 3. singing

Listening transcript:

Hi everyone, I am Sam. I have many friends. But Tom, Henry, Lars and Daisy are my best friends. Tom is thin, tall and very funny. He can tell many good jokes. People like talking to him so much. Henry is short and a bit fat, but he looks cute like a baby. He helps me a lot with my studies. Lars is a special friend because he is very quiet. Daisy is the only girl in my group. She is active. She sings very well and she is a winner of my school's singing contest.

UNIT**3****MY FRIENDS****READING****Read and answer the questions.**

1. Where is Robert from?
He's from England
2. How old is he?
He's fifteen
3. Does Robert have any brothers or sisters?
No, he doesn't.
5. What's Robert like?
He's very funny and generous
5. What are Robert's hobbies?
He loves music and he plays the guitar
6. What does he like wearing?
He likes wearing jeans and tracksuits.

Task 2: Complete the passage with the correct verbs

This IS my best friend. Her name IS Laura. She IS twelve years old and she IS in Bristol, England.

Laura IS very pretty. She HAS straight brown hair and dark brown eyes. Her nose IS straight and her lips ARE rather thin. Laura HAS medium height, slim and very fit because she learns to dance and she DANCES very well.

Laura IS very friendly and confident and she HAS a great sense of humour. I like being with her because she makes me feel happy and comfortable!

Task 3:

1. T	2. F	3. T	4. T	5. F
------	------	------	------	------

UNIT

3

MY FRIENDS



WRITING

Task 1. Reorder the words to make the correct sentences

- eyes/ sister/ my/is/ she/ younger/ and/ short/ has/ round.
→ **My younger sister is short and has round eyes**
- hard-working/ Lam/ is/ student/ class/ intelligent/ in/ an/ my/ and.
→ **Lam is an intelligent and hard -working student in my class.**
- her/ Jane/ Paris/ is/ next/ mother/ to/ travelling/ with/ Friday.
→ **Jane is travelling to Paris with her mother next Friday**
- National Cinema/ we/ Saturday/ are/ to/ the/ going/ this.
→ **We are going to National Cinema this Saturday**
- camping/ is/ next/ my/ class/ in/ weekend/Cuc Phuong forest/ going.
→ **My class is going camping in Cuc Phuong forest next weekend**

Task 2. Write 6 sentences about best friend.